

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về hoạt động đại lý thanh toán

Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động đại lý thanh toán, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động đại lý thanh toán, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động đại lý thanh toán¹.

¹ Thông tư số 06/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động đại lý thanh toán, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động đại lý thanh toán bằng đồng Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng thương mại.
2. Ngân hàng hợp tác xã.
3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Quỹ tín dụng nhân dân.
5. Tổ chức tài chính vi mô.
6. Các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có liên quan đến hoạt động đại lý thanh toán (sau đây gọi là tổ chức khác).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động đại lý thanh toán là việc bên giao đại lý thanh toán ủy quyền cho bên đại lý thanh toán để thực hiện một phần quy trình mở tài khoản thanh toán, phát hành thẻ ngân hàng và cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng.
2. Bên giao đại lý thanh toán bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là bên giao đại lý).
3. Bên làm đại lý thanh toán bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, tổ chức khác (sau đây gọi là bên đại lý).
4. Điểm đại lý thanh toán là nơi tiến hành hoạt động đại lý thanh toán của bên đại lý.
- Điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác phải là địa điểm kinh doanh của bên đại lý hoặc chi nhánh của bên đại lý.
5. Hợp đồng đại lý thanh toán là thỏa thuận giữa bên giao đại lý và bên đại lý về việc thực hiện một phần quy trình mở tài khoản thanh toán, phát hành thẻ ngân hàng và cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

6. Phí giao đại lý thanh toán là khoản tiền mà bên giao đại lý trả cho bên đại lý để thực hiện nội dung hoạt động được giao đại lý, được hai bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ THANH TOÁN

Điều 4. Các nội dung hoạt động đại lý thanh toán

Bên giao đại lý được giao cho bên đại lý thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ sau:

1. Nhận hồ sơ mở tài khoản thanh toán, kiểm tra, xác minh thông tin nhận biết khách hàng để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán.

2. Nhận hồ sơ phát hành thẻ ngân hàng, kiểm tra, xác minh thông tin nhận biết khách hàng để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng thẻ ngân hàng.

3. Tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ thanh toán của khách hàng, lập, ký, kiểm soát, xử lý chứng từ giao dịch của khách hàng, chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, nhận tiền mặt từ khách hàng hoặc trả tiền mặt cho khách hàng nhằm thực hiện các giao dịch:

a) Nộp/rút tiền mặt vào/từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại bên giao đại lý;

b) Nộp/rút tiền mặt vào/từ thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

c) Nộp tiền mặt để thanh toán dư nợ thẻ tín dụng của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

d) Thực hiện dịch vụ thanh toán lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ thanh toán của khách hàng thì bên đại lý xử lý chứng từ giao dịch của khách hàng và thực hiện chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, trừ trường hợp xảy ra sự cố hệ thống thông tin và/hoặc các điều kiện bất khả kháng khác không thể thực hiện được giao dịch của khách hàng.

Điều 5. Hạn mức giao dịch

1. Bên giao đại lý phải có các biện pháp quản lý số dư, hạn mức giao dịch của bên đại lý là tổ chức khác, gồm:

a) Hạn mức giao dịch (bao gồm giao dịch nộp và rút tiền mặt) đối với khách hàng cá nhân, tối đa là 20 triệu đồng/khách hàng/ngày;

b) Bên đại lý chỉ được thực hiện giao dịch cho khách hàng trong phạm vi số dư tài khoản thanh toán để thực hiện các nghiệp vụ được giao đại lý của bên đại lý mở tại bên giao đại lý theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này và mỗi một điểm đại lý thanh toán được giao dịch không quá 200 triệu đồng/ngày và tối đa 05 tỷ đồng/tháng.

2. Hạn mức giao dịch của bên đại lý là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo thỏa thuận giữa bên giao đại lý và bên đại lý.

Điều 6. Hoạt động của bên giao đại lý và bên đại lý

1. Việc thực hiện hoạt động giao đại lý, làm đại lý của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô phải phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của cấp có thẩm quyền quyết định và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Quyết định (nếu có).

2. Quỹ tín dụng nhân dân được làm đại lý cho ngân hàng hợp tác xã đối với thành viên, khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân đó.

3. Tổ chức tài chính vi mô được làm đại lý cho ngân hàng đối với khách hàng của tổ chức tài chính vi mô đó.

4. Tổ chức khác là doanh nghiệp thành lập hợp pháp được làm đại lý theo thỏa thuận với bên giao đại lý.

5. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô được làm đại lý cho nhiều bên giao đại lý. Tổ chức khác chỉ được làm đại lý cho 01 bên giao đại lý.

Điều 7. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đại lý thanh toán

1. Hoạt động giao đại lý thanh toán phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản giữa bên giao đại lý và bên đại lý theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bên giao đại lý được giao cho bên đại lý thực hiện các nghiệp vụ quy định tại Điều 4 Thông tư này và phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của cấp có thẩm quyền quyết định và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Quyết định (nếu có) của bên giao đại lý, bên đại lý là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Bên đại lý không được phép giao đại lý lại cho bên thứ ba.

4. Khi thực hiện nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này, bên đại lý là tổ chức khác phải mở và duy trì tài khoản thanh toán tại bên giao đại lý để thực hiện các nghiệp vụ được giao đại lý trong phạm vi số dư do bên giao đại lý và bên đại lý thỏa thuận; tài khoản thanh toán này phải được tách biệt với các tài khoản thanh toán phục vụ cho các hoạt động, mục đích khác của bên đại lý mở tại bên giao đại lý.

5. Bên giao đại lý thu phí của khách hàng thông qua bên đại lý theo mức phí do bên giao đại lý quy định trong từng thời kỳ. Bên giao đại lý và bên đại lý không được thu thêm các loại phí ngoài biểu phí do bên giao đại lý quy định và công bố. Biểu phí dịch vụ của bên giao đại lý phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và được niêm yết công khai tại các điểm đại lý thanh toán và trên trang thông tin điện tử của bên đại lý (nếu có).

6. Bên giao đại lý và bên đại lý phải có cam kết bảo mật thông tin khách hàng phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

7.² Bên giao đại lý được phép ký kết hợp đồng đại lý thanh toán với tổ chức khác trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm đại lý thanh toán của các tổ chức khác phải đảm bảo số lượng điểm đại lý thanh toán trên địa bàn cấp xã (không bao gồm phường) tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chiếm trên 70% số lượng điểm đại lý thanh toán của bên giao đại lý.

8. Số lượng đại lý thanh toán là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do bên giao đại lý tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của bên giao đại lý; số lượng điểm đại lý thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng quyết định trên cơ sở mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 8. Các nội dung quy định trong hợp đồng đại lý thanh toán

1. Hợp đồng đại lý thanh toán phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của bên giao đại lý, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của bên giao đại lý;

b) Tên, địa chỉ của bên đại lý, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của bên đại lý;

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 06/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động đại lý thanh toán, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

c) Phạm vi giao đại lý, trong đó bao gồm các nội dung hoạt động được giao đại lý và hạn mức áp dụng đối với khách hàng, hạn mức áp dụng đối với bên đại lý;

d) Thời hạn giao đại lý;

đ) Thời gian giao dịch hàng ngày và giờ làm việc;

e) Phí giao đại lý thanh toán;

g) Số lượng điểm đại lý hoặc danh sách điểm đại lý;

h) Quyền, nghĩa vụ của bên giao đại lý, bên đại lý;

i) Phương thức giải quyết tranh chấp;

k) Chấm dứt hợp đồng đại lý thanh toán.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên được thỏa thuận các nội dung khác tại hợp đồng đại lý thanh toán theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên giao đại lý

1. Bên giao đại lý có các quyền sau:

a) Lựa chọn đối tượng để hợp tác, ký kết hợp đồng đại lý thanh toán;

b) Quy định và áp dụng các tiêu chí để lựa chọn đối tượng để giao đại lý;

c) Thỏa thuận với bên đại lý về nội dung hoạt động đại lý thanh toán và phí giao đại lý thanh toán;

d) Yêu cầu bên đại lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về tình hình, kết quả thực hiện hợp đồng đại lý thanh toán;

đ) Yêu cầu bên đại lý thanh toán các lợi ích hợp pháp (nếu có) phát sinh từ việc thực hiện nội dung hoạt động đại lý thanh toán quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán;

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng đại lý thanh toán của bên đại lý;

g) Được quyền chấm dứt hợp đồng đại lý thanh toán nếu bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý thanh toán;

h) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên giao đại lý có các nghĩa vụ sau đây:

a) Quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hoạt động đại lý thanh toán do bên đại lý thực hiện;

b) Công bố công khai danh sách các bên đại lý đã ký kết hợp đồng (bao gồm điểm đại lý thanh toán) trên trang thông tin điện tử và ứng dụng của bên giao đại lý;

c) Ban hành văn bản hướng dẫn, đào tạo bên đại lý về hoạt động đại lý thanh toán đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán, thường xuyên cập nhật theo các quy định pháp luật có liên quan và thực tiễn hoạt động để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện, hướng dẫn bên đại lý thông báo công khai các hoạt động được giao đại lý tại trụ sở chính, mạng lưới hoạt động;

d) Hướng dẫn bên đại lý thực hiện nhận biết khách hàng, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng theo đúng quy trình mà bên giao đại lý đang thực hiện; chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng của bên đại lý và tuân thủ quy định về nhận biết khách hàng tại Luật Phòng, chống rửa tiền;

đ) Đánh giá rủi ro để xác định phạm vi giao dịch, hạn mức giao dịch đối với tài khoản thanh toán của khách hàng được nhận biết, xác minh thông qua bên đại lý;

e) Thỏa thuận với bên đại lý về việc xây dựng, thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo xử lý giao dịch được thông suốt và thực hiện giám sát hoạt động đại lý thanh toán của bên đại lý;

g) Chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật hệ thống thông tin, bảo vệ quyền lợi khách hàng, bảo vệ các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng và thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

h) Quản lý số dư, hạn mức giao dịch của bên đại lý là tổ chức khác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này;

i) Chịu trách nhiệm với khách hàng trong trường hợp bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng;

k) Có cơ chế, biện pháp để bảo vệ khách hàng, trong đó, phải duy trì việc tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của khách hàng tại các điểm đại lý thanh toán; đồng thời thiết lập, duy trì đường dây nóng liên tục 24/7 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin, khiếu nại của khách hàng;

l) Thu thập, đối chiếu và lưu trữ toàn bộ dữ liệu, chứng từ giao dịch phát sinh tại bên đại lý theo quy định của pháp luật có liên quan;

m) Thanh toán phí giao đại lý thanh toán cho bên đại lý theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán;

n) Xây dựng, ban hành quy định nội bộ về giao đại lý thanh toán bao gồm cả quy trình giao nhận, bảo quản tiền mặt đảm bảo an toàn hoạt động;

o) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên đại lý

1. Bên đại lý có các quyền sau:

- a) Từ chối các yêu cầu của bên giao đại lý không được quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán hoặc không đúng quy định pháp luật;
- b) Yêu cầu bên giao đại lý hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung hoạt động đại lý thanh toán;
- c) Hưởng phí giao đại lý thanh toán và lợi ích hợp pháp khác (nếu có) quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán;
- d) Các quyền khác theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên đại lý có các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện đúng các nội dung hoạt động được giao đại lý quy định tại Điều 4 Thông tư này và thỏa thuận tại hợp đồng đại lý thanh toán;
- b) Thông báo kịp thời, đầy đủ cho bên giao đại lý về tình hình thực hiện nội dung hoạt động đại lý thanh toán theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán;
- c) Thanh toán cho bên giao đại lý các lợi ích hợp pháp (nếu có) phát sinh từ việc thực hiện nội dung hoạt động đại lý thanh toán quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán;
- d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên giao đại lý đối với việc thực hiện nội dung hoạt động đại lý thanh toán;
- đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng, chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng và thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong quá trình làm đại lý;
- e) Liên đới chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong trường hợp do lỗi của bên đại lý; có trách nhiệm bồi hoàn cho bên giao đại lý các khoản tiền đền bù mà bên giao đại lý đã chi trả, bồi thường cho khách hàng thay cho bên đại lý đối với các tổn thất, thiệt hại của khách hàng phát sinh từ việc bên đại lý vi phạm hợp đồng đại lý thanh toán và các tổn thất, thiệt hại của khách hàng phát sinh do lỗi của bên đại lý làm lộ thông tin khách hàng, xử lý sai sót, nhầm lẫn trong quá trình tác nghiệp;
- g) Trong quá trình làm đại lý, bên đại lý phải thực hiện theo dõi, quản lý tiền, tài sản của bên giao đại lý (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật, không được sử dụng tiền, tài sản của bên giao đại lý cho các mục đích kinh doanh khác;

h) Tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại của khách hàng và phối hợp với bên giao đại lý để xử lý tra soát, khiếu nại; thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại được thực hiện theo quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;

i) Xây dựng quy trình nội bộ để quản lý rủi ro đối với từng hoạt động đại lý cụ thể, bao gồm cả quy trình giao nhận, bảo quản tiền mặt; có cơ sở vật chất, mạng lưới và đội ngũ cán bộ có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật để đảm bảo thực hiện nội dung hoạt động đại lý thanh toán hoặc theo yêu cầu của bên giao đại lý;

k) Thông báo cho bên giao đại lý trong trường hợp tạm ngừng giao dịch với khách hàng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ quá 04 giờ trong thời gian giao dịch hàng ngày, nêu rõ lý do và phương án xử lý để đảm bảo hoạt động đại lý thanh toán không bị gián đoạn;

l) Lưu trữ, đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu, hồ sơ, chứng từ và cung cấp cho bên giao đại lý khi có yêu cầu;

m) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại hợp đồng đại lý thanh toán, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

BÁO CÁO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin

1. Tối thiểu 30 ngày trước khi triển khai thực hiện hoạt động giao đại lý thanh toán, bên giao đại lý phải gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn có trụ sở chính của bên giao đại lý và trên các địa bàn có các điểm đại lý thanh toán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin chi tiết về bên đại lý, cách thức hợp tác, phạm vi đại lý, thời hạn giao đại lý, cách thức quản lý các điểm đại lý thanh toán.

2. Định kỳ hàng quý, bên giao đại lý phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động giao đại lý theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán) để theo dõi.

3. Khi ngừng thực hiện hoạt động giao đại lý thanh toán với một bên đại lý, chậm nhất trong 05 ngày làm việc, bên giao đại lý phải gửi thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn có trụ sở chính của bên giao đại lý và trên các địa bàn có các điểm đại lý thanh toán ngừng hoạt động để theo dõi, giám sát và đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình.

4. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, bên giao đại lý phải gửi báo cáo danh sách các đại lý, điểm đại lý thanh toán có dấu hiệu gian lận, giả mạo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Thanh toán

a) Theo dõi tình hình thực hiện và tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

b) Đầu mối tiếp nhận và theo dõi các báo cáo, thông báo của bên giao đại lý theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

c) Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng công cụ, phần mềm giám sát hoạt động đại lý thanh toán.

d) Đầu mối, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác kiểm tra đối với bên giao đại lý, bên đại lý việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

đ) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện thanh tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền về hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động giao đại lý thanh toán và/hoặc đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán vào Giấy phép hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo thẩm quyền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Thực hiện thanh tra đối với bên giao đại lý, bên đại lý và giám sát đối với bên giao đại lý việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán, các đơn vị liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³

³ Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 06/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

nước Việt Nam quy định về hoạt động đại lý thanh toán, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025, quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025./.”

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-NHNN ngày 21/6/2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC GIAO ĐẠI LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động giao đại lý thanh toán
(Quý năm)

Stt	Chỉ tiêu	Quý (1)	Năm (2)
I	Số lượng đại lý		
1	Đại lý là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (3)		
2	Đại lý là tổ chức khác (4)		
	Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác (5)		
	Trong đó: Số điểm đại lý ở các địa bàn cấp huyện (6)		
II	Giao dịch		
1	Số lượng giao dịch (7)		
2	Giá trị giao dịch (8)		

Lập biểu

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP TỔ CHỨC BÁO CÁO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Số phát sinh trong quý;
- (2) Số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo;
- (3) Số lượng đại lý là NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;
- (4) Số đại lý là tổ chức khác;
- (5) Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác;
- (6) Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác ở các địa bàn cấp huyện;
- (7) Số lượng các giao dịch theo quy định tại điểm 3 Điều 4 Thông tư;

(8) Giá trị các giao dịch theo quy định tại điểm 3 Điều 4 Thông tư.

Định kỳ và thời hạn của báo cáo như sau:

(i) Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (bên giao đại lý chỉ thực hiện báo cáo Quý I, II và III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

(ii) Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 05 /VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC3. *u*



Đoàn Thái Sơn